

Mã chương: 422

Đơn vị báo cáo: Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tiếng Hoa

Mã ĐVQHNS: 1036941

Mẫu số B01/BCQT

(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2022

CTMT, DA: << Không chọn >>

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070					
				TỔNG SỐ	KHOẢN 074				
A	B	C	1	2	3				
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1	154953064	154953064	154953064				
11	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	2	27375249	27375249	27375249				
	- Kinh phí đã nhận	3							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4	27375249	27375249	27375249				
12	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	5	127577815	127577815	127577815				
	- Kinh phí đã nhận	6							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7	127577815	127577815	127577815				
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	1590819000	1590819000	1590819000				
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	9	1245885000	1245885000	1245885000				
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	344934000	344934000	344934000				
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	11	1745772064	1745772064	1745772064				
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12	1273260249	1273260249	1273260249				
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	472511815	472511815	472511815				
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	1649570741	1649570741	1649570741				
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15	1194706563	1194706563	1194706563				
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	454864178	454864178	454864178				
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	1649570741	1649570741	1649570741				
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18	1194706563	1194706563	1194706563				
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	454864178	454864178	454864178				
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20	13970173	13970173	13970173				

Mã chương: 422

Đơn vị báo cáo: Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tiếng Hoa

Mã ĐVQHNS: 1036941

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070					
				TỔNG SỐ	KHOẢN 074				
A	B	C	1	2	3				
61	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)	21							
	- Đã nộp NSNN	22							
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	23							
	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)	24							
62	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	25	13970173	13970173	13970173				
	- Đã nộp NSNN	26							
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	27							
	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	28	13970173	13970173	13970173				
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	82231150	82231150	82231150				
71	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	30	78553686	78553686	78553686				
	- Kinh phí đã nhận	31							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32	78553686	78553686	78553686				
72	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33	3677464	3677464	3677464				
	- Kinh phí đã nhận	34							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35	3677464	3677464	3677464				
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	36							
2	Dự toán được giao trong năm	37							
3	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)	38							
	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng	39							
	- Số đã ghi thu, ghi chi	40							
4	Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)	41							
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	42							
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)	43							
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI								

Mã chương: 422

Đơn vị báo cáo: Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tiếng Hoa

Mã ĐVQHNS: 1036941

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070					
				TỔNG SỐ	KHOẢN 074				
A	B	C	1	2	3				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)	44							
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	45							
	- Số dư dự toán	46							
2	Dự toán được giao trong năm	47							
3	Tổng số được sử dụng trong năm (48= 44+47)	48							
4	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49= 50+51)	49							
	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN	50							
	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN	51							
5	Kinh phí đơn vị đã sử dụng để nghị quyết toán	52							
6	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)	53							
	- Đã nộp NSNN	54							
	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)	55							
	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)	56							
7	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)	57							
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	58							
	- Số dư dự toán	59							
8	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN	60							
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI								
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)	61							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	62							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	63							
2	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)	64							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	65							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	66							
3	Số thu được trong năm (67=68+69)	67							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	68							

Mã chương: 422

Đơn vị báo cáo: Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tiếng Hoa

Mã ĐVQHNS: 1036941

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070					
				TỔNG SỐ	KHOẢN 074				
A	B	C	1	2	3				
4	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	69							
	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	70							
	(70=71+72)								
5	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)	71							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	72							
	(72=63+69)								
6	Số kinh phí đã sử dụng để nghị quyết toán	73							
	(73=74+75)								
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	74							
7	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	75							
	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau	76							
	sử dụng và quyết toán (76=77+78)								
8	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)	77							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)	78							
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỀ LẠI								
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển	79							
	sang (79=80+81)								
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	80							
2	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	81							
	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)	82							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	83							
3	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	84							
	Số thu được trong năm (85=86+87)	85							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	86							
4	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	87							
	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	88							
	(88=89+90)								
5	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)	89							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	90							
	(90=81+87)								

Mã chương: 422

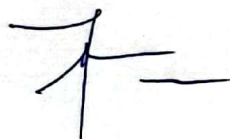
Đơn vị báo cáo: Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tiếng Hoa

Mã ĐVQHNS: 1036941

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070					
				TỔNG SỐ	KHOẢN 074				
A	B	C	1	2	3				
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)	91							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	92							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	93							
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)	94							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)	95							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)	96							

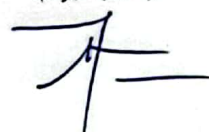
NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Vũ Trần Bảo Trâm

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)
TRUNG TÂM
GIÁO DỤC
THƯỜNG XUYÊN
TIẾNG HOA
Tiến Mỹ Tú